Chi tiết mã HS 7002.39.20

Mã HS	7002.39.20
Mô tả hàng hóa	Thủy tinh ở dạng hình cầu (trừ loại vi cầu thủy tinh thuộc nhóm 70.18), dạng thanh hoặc ống, chưa gia công / - Dạng ống: / - - Loại khác: / - - - Loại khác, của loại thủy tinh borosilicate trung tính trong suốt, có đường kính từ 3 mm đến 22 mm
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	07/11/2026 16:53:45
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/70023920/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10437
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10437
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10437
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9912
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9863
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9863
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9863
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9863
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9863
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9863
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E9915
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9915

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9915
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9915
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9915
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9915
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9916
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9916
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9916
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9916
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9916
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9916
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9917
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9869
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9875
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9875
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9875
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9875
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9875
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9875
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9900
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9900
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9900
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9900
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9900
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9900
VCFTA	2022	2022	3	VC!D9947
VCFTA	2023	2023	1	VC!E9947

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9947
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9947
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9947
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9947
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9938
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9938
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9938
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9938
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9938
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9938
AHKFTA	2022	2022	3	AKH!D9938
AHKFTA	2023	2023	2	AKH!E9938
AHKFTA	2024	2024	2	AKH!F9938
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G9938
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H9938
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9938
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D9949
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E9949
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F9949
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9949
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9949
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9949
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D9948
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E9948
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F9948
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9948

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9948
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9948
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9895
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9895
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9895
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9895
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9895
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9895
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9895
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9932
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9932
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9932
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9932
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9932
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9932
RCEP B	2022	2022	0	B!D9932
RCEP B	2023	2023	0	B!E9932
RCEP B	2024	2024	0	B!F9932
RCEP B	2025	2025	0	B!G9932
RCEP B	2026	2026	0	B!H9932
RCEP B	2027	2027	0	B!I9932
RCEP C	2022	2022	0	C!D9932
RCEP C	2023	2023	0	C!E9932
RCEP C	2024	2024	0	C!F9932
RCEP C	2025	2025	0	C!G9932
RCEP C	2026	2026	0	C!H9932

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I9932
RCEP D	2022	2022	0	D!D9931
RCEP D	2023	2023	0	D!E9931
RCEP D	2024	2024	0	D!F9931
RCEP D	2025	2025	0	D!G9931
RCEP D	2026	2026	0	D!H9931
RCEP D	2027	2027	0	D!I9931
RCEP E	2022	2022	0	E!D9935
RCEP E	2023	2023	0	E!E9935
RCEP E	2024	2024	0	E!F9935
RCEP E	2025	2025	0	E!G9935
RCEP E	2026	2026	0	E!H9935
RCEP E	2027	2027	0	E!I9935
RCEP F	2022	2022	0	F!D9932
RCEP F	2023	2023	0	F!E9932
RCEP F	2024	2024	0	F!F9932
RCEP F	2025	2025	0	F!G9932
RCEP F	2026	2026	0	F!H9932
RCEP F	2027	2027	0	F!I9932
VIFTA	2024	2024	4,3	VI!F9184
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G9184
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H9184
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I9184

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 7002.39 có 3 dòng thuế; dòng 7002.39.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác, của loại thủy tinh borosilicate trung tính trong suốt, có đường kính từ 3 mm đến 22 mm.	7002.39.10 Loại sử dụng để sản xuất ống chân không(SEN); 7002.39.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7002.39.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 7002.39.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10437), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.